

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2023/DS-ST

Ngày: 02-8-2023

V/v “Tranh chấp hui”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương Nga

Ông Lê Thành Đông

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 195/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2023/QĐXX-ST ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1/Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1997. Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2/Bà Đoàn Thị Cẩm T1, sinh năm: 1998;

Địa chỉ: số A, khu phố 7, thị trấn N, huyện N1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Đoàn Thị Kim T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(ông L, bà T1 xin giải quyết vắng mặt; bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung, bản tự khai, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Minh L và bà Đoàn Thị Cẩm T1 trình bày:

Từ khoảng tháng 9/2020, ông bà có tham gia chơi hui do bà Đoàn Thị Kim T làm chủ hui tổng cộng 02 dây hui. Ông bà chơi hui, ông bà chỉ biết ngày khai hui, ngày mãn hui, số lượng hui viên tham gia, nhưng không biết cụ thể gồm nhưng ai chơi hui vì bà T không có giao danh sách hui cho ông bà.

Dây 1: Hui 2.000.000 đồng, khai ngày 10/9/2021 âm lịch, ngày mãn hui 10/9/2023 âm lịch, có 24 phần, ông bà tham gia 01 phần, đã đóng được 17 lần hui sống với số tiền 23.500.000 đồng, chưa hót hui thì khoảng tháng 2/2023 bà T vỡ hui.

Dây 2: Hui 3.000.000 đồng, khai ngày 10/9/2021 âm lịch, ngày mãn hui 10/9/2023 âm lịch, có 24 phần, ông bà tham gia 01 phần, đã đóng được 17 lần hui sống với số tiền 33.800.000 đồng, chưa hót hui thì khoảng tháng 2/2023 bà T vỡ hui.

Các lần đóng hui ông bà đều chuyển khoản cho bà T, chỉ có 01 lần duy nhất đóng hui trực tiếp cho bà T vào tháng 7/2022 âm lịch. Nay bà T vỡ hui, không thu hui nữa và cũng không trả lại cho ông bà số tiền hui đã đóng. Vì vậy ông bà khởi kiện yêu cầu bà T có trách nhiệm trả lại cho ông bà số tiền hui của 02 dây hui đã đóng là 57.300.000 đồng và lãi chậm trả từ ngày 28/3/2023 cho đến khi xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; bản sao đơn khởi kiện và chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho bà T nhưng bà T đều vắng mặt, không gửi đơn yêu cầu phản tố và cũng không gửi bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông L và bà T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Ông L, bà T1 khởi kiện yêu cầu bà T trả tiền hui còn nợ. Đây là tranh chấp hui thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà T có nơi cư trú tại xã Long Mỹ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bà T1, ông L có đơn xin giải quyết vắng mặt, bà T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án: Theo ông L, bà T1 khai, ông bà có tham gia chơi 02 dây hui cho bà T làm chủ hui: Dây hui 2.000.000 đồng, khai ngày 10/9/2021 âm lịch và dây hui 3.000.000 đồng, khai ngày 10/9/2021 âm lịch, ông bà đã đóng hui đến tháng 2/2023 với số tiền 57.300.000 đồng. Hui được đóng bằng hình thức chuyển khoản cho bà T hàng tháng qua tài khoản 070056193098 ngân hàng Sài Gòn T Tín và 01 tháng đóng trực tiếp cho bà T. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là sổ hạch toán chi tiết của tài khoản.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc tham gia chơi hui giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, nguyên đơn đã cung cấp chi tiết các lần đóng hui cho bà T chứng minh được việc này có xảy ra trên thực tế. Hai dây hui ông L, bà T1 tham gia, ông bà đã đóng 57.300.000 đồng, chưa hót hui và chưa mãn hui nhưng Bà T ngưng thu hui và chưa giao trả số tiền hui ông bà đã đóng. Như vậy, bà T đã vi phạm nghĩa vụ cũng như không thực hiện đúng trách nhiệm của chủ hui nên yêu cầu khởi kiện của ông L và bà T1 là có cơ sở. Căn cứ các Điều 14, 15, 17, 19, 21, 22, 29, Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hui, họ, biếu, phùng, chấp nhận yêu cầu của ông L và bà T. Hui vỡ ngày 28/3/2023 nhưng đến nay bà T chưa trả lại tiền đã đóng nên ông L và bà T1 yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày

29/3/2023 đến ngày xét xử, tính tròn 04 tháng theo lãi suất 0.83% là có cơ sở chấp nhận. Lãi được tính như sau: 57.300.000 đồng x 0.83% x 04 tháng = 1.902.360 đồng. Vì vậy có cơ sở buộc bà T có trách nhiệm trả cho ông L và bà T1 số tiền hui và tiền lãi chậm trả tổng là 59.202.360 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông L và bà T1 được chấp nhận nên bà T có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 59.202.360 đồng x 5% = 2.960.118 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 288, 357, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 147, 192, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 14, 15, 17, 19, 21, 22, 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hui, họ, biên, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh L và bà Đoàn Thị Cẩm T1. Buộc bà Đoàn Thị Kim T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Minh L và bà Đoàn Thị Cẩm T1 số tiền hui và lãi tổng là 59.202.360 (năm mươi chín triệu hai trăm lẻ hai nghìn, ba trăm sáu mươi) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Đoàn Thị Kim T phải nộp số tiền án phí là 2.960.118 (hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn một trăm mười tám) đồng.

- Chi cục Thi hành án huyện Giồng Trôm hoàn lại cho ông Nguyễn Minh L và bà Đoàn Thị Cẩm T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.800.000 (hai triệu tám trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003494 ngày 05/5/2023.

[3] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan